

Số: **21** /2012/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 23 tháng 7 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định mức thu phí đấu thầu, đấu giá
trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh về phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ hướng thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 68/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định việc đấu thầu để mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 73/2006/NQ-HĐND.K7 ngày 14 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc thông qua khung mức thu, chế độ thu nộp đối với các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức thu phí đấu thầu, đấu giá trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 19/2007/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Quy định về thu phí đấu thầu, đấu giá trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Giao Sở Tài chính có trách nhiệm triển khai và theo dõi việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (I, II);
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Đoàn ĐBQH Tỉnh;
- TT/TU, TT/HĐND Tỉnh;
- CT & các PCT/UBND Tỉnh;
- LĐVP/UBND Tỉnh;
- Lưu VT, KTTH, HS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Minh Hoan

QUY ĐỊNH

Mức thu phí đấu thầu, đấu giá trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **21/2012/QĐ-UBND**
ngày **23** tháng **7** năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định mức thu phí đấu thầu đối với công tác đấu thầu mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ (không thuộc dự án đầu tư xây dựng; không thuộc trang thiết bị, phương tiện đặc thù chuyên dùng cho quốc phòng, an ninh) nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân.

2. Quy định này quy định mức thu phí đấu giá khai thác đò, chợ, cầu trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức kinh tế có đăng ký kinh doanh ngành hàng tương ứng, có đủ điều kiện về tài chính, đủ khả năng cung cấp dịch vụ, hàng hóa và kinh doanh đò, chợ, cầu.

Chương II MỨC THU, QUẢN LÝ VÀ CHỨNG TỪ THU PHÍ

Điều 3. Mức thu phí

1. Đấu thầu mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ.

STT	Giá trị gói thầu	Chi phí mua hồ sơ (đồng/hồ sơ)
1	Từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng	300.000
2	Trên 500.000.000 đồng đến dưới 02 tỷ đồng	500.000
3	Từ 02 tỷ đồng trở lên	1.000.000

2. Đấu giá đò, chợ, cầu.

STT	Giá khởi điểm	Chi phí mua hồ sơ (đồng/hồ sơ)
1	Từ 50.000.000 đồng trở xuống	50.000
2	Trên 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng	100.000
3	Trên 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng	200.000
4	Trên 200.000.000 đồng	500.000

Điều 4. Chứng từ thu phí

Đơn vị thu phí phải sử dụng biên lai thu phí do cơ quan thuế in ấn, cấp phát và thực hiện các quy định về quản lý sử dụng biên lai theo Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định của Pháp luật về Phí và Lệ phí; Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ về hoá đơn bán hàng hoá, dịch vụ. Khi thu phí phải cấp biên lai thu phí cho đối tượng nộp phí.

Điều 5. Quản lý và sử dụng tiền phí

1. Việc quản lý và sử dụng tiền phí được thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13 và Điều 17 Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí; khoản 5, Điều 1 Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí; Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định của Pháp luật về Phí và Lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính.

Đơn vị tổ chức thu phí phải mở tài khoản “Tạm giữ tiền phí, lệ phí” tại Kho bạc Nhà nước nơi cơ quan thu đóng trụ sở để theo dõi, quản lý tiền phí thu được. Định kỳ hàng tuần, gửi số tiền phí đã thu được vào tài khoản “Tạm giữ tiền phí, lệ phí” và tổ chức hạch toán riêng khoản thu này theo chế độ kế toán hiện hành của Nhà nước.

2. Cơ quan tổ chức thu phí đấu thầu, đấu giá được để lại 100% khoản thu phí đấu thầu, đấu giá thu được để trang trải cho hoạt động tổ chức đấu thầu, đấu giá.

Điều 6. Chế độ tài chính, kế toán

1. Đơn vị tổ chức thu phí phải mở sổ sách kế toán theo dõi số thu, nộp và sử dụng tiền thu phí theo đúng quy định về chế độ kế toán của Nhà nước.

2. Hàng năm, đơn vị tổ chức thu phí phải lập dự toán thu - chi gửi cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan tài chính, cơ quan thuế cùng cấp (đối với tổ chức thu là Ủy ban nhân dân các cấp phải gửi cơ quan tài chính, cơ quan thuế cấp trên), Kho bạc Nhà nước nơi tổ chức thu theo quy định.

3. Định kỳ, phải báo cáo quyết toán việc thu, nộp, sử dụng số tiền phí thu được theo quy định của Nhà nước; trường hợp thu các loại phí khác nhau phải theo dõi hạch toán và quyết toán riêng đối với từng loại phí.

4. Đối với tiền phí để lại cho đơn vị tổ chức thu, sau khi quyết toán đúng chế độ, tiền phí chưa sử dụng hết trong năm được phép chuyển sang năm sau để sử dụng tiếp theo chế độ qui định.

5. Thực hiện chế độ công khai tài chính theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện niêm yết công khai mức thu phí tại nơi thu phí.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị tổ chức thực hiện thu phí theo quy định.

Điều 8. Cơ quan thuế nơi đơn vị thu đóng trụ sở có trách nhiệm cấp biên lai thu phí cho đơn vị thu; kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thu phí thực hiện chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng biên lai thu phí theo đúng chế độ quy định.

Điều 9. Tổ chức, cá nhân vi phạm về quản lý, thu, nộp, sử dụng tiền phí sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Sở Tài chính có trách nhiệm quản lý, kiểm tra việc thu phí theo đúng quy định. Định kỳ 6 tháng, năm, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trên địa bàn Tỉnh; tổng hợp các kiến nghị, đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Minh Hoan